HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 1



BÀI THỰC HÀNH 16 THỰC TẬP CƠ SỞ

Họ và tên : Đinh Quang Hiếu

Mã sinh viên: B19DCAT065

Giảng viên giảng dạy: Hoàng Xuân Dậu

HÀ NỘI, THÁNG 5/2022

Bài 16: Tìm hiểu và cài đặt mã hóa bất đối xứng RSA

1.1.Muc đích

Sinh viên tìm hiểu một giải thuật mã hóa phổ biến và lập trình được chương trình mã hóa và giải mã sử dụng ngôn ngữ lập trình phổ biến như C/C++/Python/Java, đáp ứng chạy được với số lớn

1.2 Nội dung thực hành

1.2.1 Tìm hiểu lý thuyết

- Tìm hiểu về lập trình số lớn với các phép toán cơ bản
- Tìm hiểu về giải thuật mật mã khóa công khai RSA

Hệ mã RSA được giới thiệu vào năm 1977 bởi 3 nhà khoa học Ron Rivest, Adi Shamir, Len Adlerman. Đây là một trong những hệ mã được sử dụng phổ biến nhất hiện nay, ứng dụng cho truyền dữ liệu an toàn qua internet, email. RSA còn là nền tảng mật mã cho các giao thức SSL/TLS, SET, SSH, PGP, ... RSA cũng được ứng dụng trong chữ ký số Digial Signature.

Breaking RSA là dạng bài thường xuyên gặp phải trong các cuộc thi CTF dưới nhiều hình thức. Bài viết này tôi sẽ mô tả ngắn gọn về hệ mã này, liệt kê các điểm yếu có thể khai thác của nó, cũng như các công cụ toán học, các tool cần thiết giúp giải quyết các bài RSA hay gặp khi chơi CTF.

RSA Cryptosystem

RSA thuộc nhóm hệ mã khóa công khai, dựa vào độ khó của bài toán phân tích 1 số ra thừa số nguyên tố (factoring problem). Để tạo cặp khóa Public key và Private key, Alice cần:

- Chọn 2 số nguyên tố lớn p, q với $p \neq q$
- Tính n = pq
- Tính giá trị hàm số Ole $\varphi(n) = (p-1)(q-1)$
- Chọn 1 số e sao cho $1 \le e \le \phi(n)$ và $gcd(e,\phi(n)) = 1$
- Tính $d = e-1 \pmod{\phi(n)}$, số d thỏa mãn $ed \equiv 1 \pmod{\phi(n)}$

Public Key gồm:

- \bullet n module.
- e số mũ mã hóa.

Private Key gồm:

• n – module.

 \bullet d – số mũ giải mã.

Khi Bob muốn gửi một tin nhắn M cho Alice, Bob chuyển M thành một số m < n theo 1 cách thỏa thuận trước. Bob sẽ tính ra bản mã c từ bản rõ m theo công thức:

$$c = me \pmod{n}$$

Để giải mã, Alice dùng Private Key của mình để tính ngược lại:

```
m = cd \pmod{n}
```

Quá trình giải mã có thể thu lại được m ban đầu là do:

```
c d \equiv (me) d \equiv med \pmod{n} \equiv m \pmod{n} hay m = cd \pmod{n}
```

Dấu ≡ cuối cùng là tôi đã áp dụng định lý Euler. Chi tiết hơn về thiết kế hệ mã cũng như ví dụ có thể đọc ở đây RSA – Wikipedia

Độ mạnh của hệ mã RSA dựa trên việc bạn cần phân tích được n ra thừa số nguyên tố để tính d nếu muốn phá mã, và đến nay chưa có giải thuật nào hiệu quả trong thời gian đa thức giúp ta phân tích thừa số nguyên tố đối với các số lớn.

Hệ mã RSA nếu được thiết kế một cách đúng đắn với việc chọn các tham số n, p, q, e hợp lý thì sẽ rất an toàn, thế nhưng trong các bài CTF, các tham số này thường được chọn theo một cách nào đó khiến cho hệ mã yếu đi và dễ bị tấn công.

1.2.2 Chuẩn bị môi trường

- Môi trường lập trình theo mong muốn.
- 1.2.3 Các bước thực hiện và kết quả cần đạt
- a) Các bước thực hiện
- Lập trình thư viện số lớn với các phép toán cơ bản để sử dụng trong giải thuật mã hóa/giải mã RSA
- Thử nghiệm chứng minh thư viện hoạt động tốt với các ví dụ phép toán cho số lớn

```
BigInteger bigInteger1 = new BigInteger(val: "12345456546546678909876543214534534534");
                    BigInteger bigInteger2 = new BigInteger(val: "214145124546546546345345124123112");
                   BigInteger add = bigInteger1.add(bigInteger2);
System.out.println("add :" + add);
BigInteger subtract = bigInteger1.subtract(bigInteger2);
                    System.out.println("subtract :" + subtract);
                                                                                                          Command Prompt
                    BigInteger multiply = bigInteger1.multiply(bigInteger2);
                                                                                                          Microsoft Windows [Version 10.0.22000.675]
                    System.out.println("multiply :" + multiply);
                                                                                                         (c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
                    BigInteger divide = bigInteger1.divide(bigInteger2);
                                                                                                         C:\Users\dinhh>echo dinhquanghieu-b19dcat065
dinhquanghieu-b19dcat065
                    System.out.println("divide :" + divide);
                                                                                                         C:\Users\dinhh>
PROBLEMS 1 OUTPUT TERMINAL DEBUG CONSOLE
PS E:\HOC\nam3-ki2\Thực Tập Cơ Sở\RSA> e:; cd 'e:\HOC\nam3-ki2\Thực Tập Cơ Sở\RSA'; & 'C:\Program Files\Java\jdk-16.0.2\bin\java.exe' ocket, server=n, suspend=y, address=localhost:56921' '-XX:+ShowCodeDetailsInExceptionMessages' '-cp' 'C:\Users\dinhh\AppData\Roaming\Code\ce251e3c42a9cbc56acb852f\redhat.java\jdt_ws\RSA_73b77a81\bin' 'maKhoaRSA'
add :12345670691671225456422888559658657646
subtract :12345242401422132363330197869410411422
multiply :2643719329744216965515315980755574926667253438342927983154287831549808
divide :57649
```

- Lập trình giải thuật mã hóa và giải mã
 - + Sử dụng thư viện BigInteger để triển khai mã hóa RSA

+ Khởi báo các giá trị của mã hóa RSA

```
java 🗦 ધ RSA 🗦 😭 d
import java.math.BigInteger;
                                                          Command Prompt
import java.util.Random;
                                                         Microsoft Windows [Version 10.0.22000.675]
                                                         (c) Microsoft Corporation. All rights reserved.
public class RSA {
    public static final int VERSION = 2048;
                                                         C:\Users\dinhh>echo dinhquanghieu-b19dcat065
    public static final BigInteger E = new BigInteger(\dinhquanghieu-b19dcat065
    private BigInteger p;
                                                         C:\Users\dinhh>
    private BigInteger q;
    private BigInteger n;
    private BigInteger phiN;
    private BigInteger d;
```

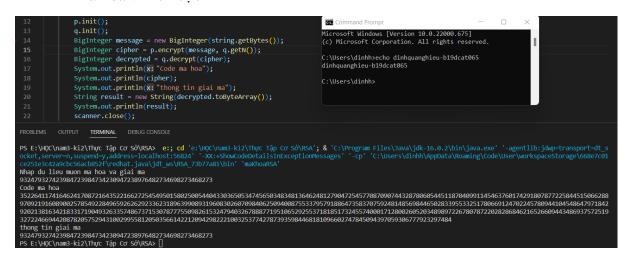
+ Khởi tạo các giá trị của mã hóa RSA

```
public void init() {
   p = BigInteger.probablePrime(VERSION / 2, new Random());
   q = BigInteger.probablePrime(VERSION / 2, new Random());
   n = p.multiply(q);
   phiN = (p.subtract(BigInteger.ONE)).multiply(q.subtract(BigInteger.ONE));
   d = E.modInverse(phiN);
public BigInteger encrypt(BigInteger message, BigInteger partnerN) {
   return message.modPow(E, partnerN);
                                                      Command Prompt
public BigInteger decrypt(BigInteger cipher) {
                                                     Microsoft Windows [Version 10.0.22000.675]
   return cipher.modPow(d, n);
                                                     (c) Microsoft Corporation. All rights reserved
                                                     C:\Users\dinhh>echo dinhquanghieu-b19dcat065
                                                     dinhquanghieu-b19dcat065
public BigInteger getN() {
   return n;
                                                     C:\Users\dinhh>
```

- Mã hóa 6 số:



- Mã hóa với số cực lớn



- Mã hóa xâu kí tự dài và có nhiều kí tự đặc biệt như *,#...

- Mã hóa xâu kí tư "I am B19DCAT065"

